

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số 84/2022/HS-ST

Ngày: 28/11/2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Hoàng Tuyển

Ông: Trần Hữu Linh

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lê Hằng Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên toà: Ông Phạm Công Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 75/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Xuân Th; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 05/7/1986, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 2/12; Cha: Nguyễn M, sinh năm 1960; Mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E, áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 15/9/2022.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Những người bị hại:

- Bà Cao Thị Qu - Sinh năm: 1967 - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Xuân Đ - Sinh năm: 1986 - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Vào khoảng 12 giờ ngày 18/8/2022, Nguyễn Xuân Th, ngồi uống rượu cùng một số người tại nhà ông Nguyễn M (là bố của Th). Sau đó, Th đi sang nhà bà Nguyễn Thị Ngọc L ở đối diện với nhà ông Mía tại buôn D, xã E, huyện E thì thấy xe mô tô biển kiểm soát 47D1-375.89 của bà Cao Thị Qu, đang dựng ở sân bên hông nhà bà L. Thấy vậy, Thành đi đến ngồi lên trên yên xe mô tô, do không thấy có người trông coi nên Thành nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bên trong cốp xe, lúc này Th đứng một bên xe dùng tay phải kéo yên xe lên còn tay trái kéo một túi xách ra khỏi cốp xe rồi đi ra sau nhà kho của bà L để tìm tài sản. Tại đây, Th mở túi xách thấy một ví da nam màu nâu nhưng bên trong không có tài sản gì, tiếp tục Th lấy một ví da nữ màu đen mở ra thì thấy bên trong có một xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng, thấy vậy Th cất vào trong túi quần, còn hai ví da bỏ vào trong túi xách cất dấu vào trong sọt nhựa màu đen và lấy bao xác rắn màu trắng đập lên trên. Sau đó, Th đi bộ về nhà ông Nguyễn M rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77M3-1871 về nhà (căn nhà Th mượn của Trần Xuân Đ để ở) tại thôn B, xã E, huyện E. Tại đây, Th lấy túi ni lông không màu cất xấp tiền trộm cắp được vào trong, rồi bỏ vào túi ni lông màu đen và mang ra bụi chuối phía sau vườn, dùng xà beng đào một hố đất, bỏ túi ni lông bọc số tiền trên xuống cất dấu. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Công an xã E, huyện E, mời lên làm việc, tại đây Th khai nhận toàn bộ hành vi của mình, sau đó Th giao nộp túi ni lông bọc xấp tiền cho Công an xã E và đếm được 25 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng với tổng số tiền là 12.500.000 đồng. (Bút lục số: 16-50; 53-55)

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã tạm giữ: 01 túi xách bằng da màu xanh rêu có dòng chữ FASHION, 01 ví da nam màu nâu có dòng chữ LEXUS, 01 ví da nữ màu đen có dòng chữ Chun ou Chun, 25 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 77M3-1871; 01 Căn cước công dân số 066086015462 cấp ngày 10/5/2021 mang tên Nguyễn Xuân Th; 01 xà beng hình trụ tròn dài 1,6m, đường kính 3cm, có một đầu dẹp và một đầu tròn; 01 túi ni lông màu đen, 01 túi ni lông không màu. (Bút lục số: 70-74)

Quá trình điều tra xác định: 01 túi xách, 01 ví da nam màu nâu, 01 ví da nữ màu đen, 25 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng là của bà Cao Thị Qu; 01 xà beng là của ông Trần Xuân Đp, nên đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bà Qu và ông Đ là các chủ sở hữu hợp pháp. (Bút lục số: 75-78)

Đối với 01 Căn cước công dân; 01 xe mô tô biển kiểm soát 77M3-1871 của Nguyễn Xuân Th làm phương tiện đi lại, không sử dụng vào mục đích trộm cắp tài sản nên đã trả lại cho Th là chủ sở hữu hợp pháp. (Bút lục số: 62-63; 79-80)

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản bà Cao Thị Qu không yêu cầu Nguyễn Xuân Th phải đền bù gì thêm về dân sự. (Bút lục số: 36).

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với nhau và nội dung bản cáo trạng là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với bị cáo, đưa ra các chứng cứ buộc tội và đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, đồng thời giữ nguyên nội dung Cáo trạng số 79/CT-VKS ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E truy tố đối với đối với Nguyễn Xuân Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Th từ 07 tháng tù đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách bằng 2 lần mức án đã tuyên.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã giao trả cho: Bà Cao Thị Qu 01 túi xách, 01 ví da nam màu nâu, 01 ví da nữ màu đen, 25 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng; Ông Trần Xuân Đ 01 xà beng là các chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 01 Căn cước công dân; 01 xe mô tô biển kiểm soát 77M3-1871 của Nguyễn Xuân Th làm phương tiện đi lại, không sử dụng vào mục đích trộm cắp tài sản nên đã trả lại cho Thành là chủ sở hữu hợp pháp.

- Tịch thu tiêu hủy đối với 01 túi ni lông màu đen, 01 túi ni lông không màu mà bị cáo đã sử dụng để đựng số tiền do trộm cắp mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố và cũng không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo trình bày lời sau cùng: Bị cáo đã ăn năn về hành vi của mình. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, cho bị cáo tại ngoại có cơ hội cùng chung sống với gia đình và sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện E, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện E, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Vào khoảng 12 giờ ngày 18/8/2022, Nguyễn Xuân Th có hành vi trộm cắp tài sản của bà Cao Thị Qu, trú tại Thôn 2B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; tài sản trộm cắp gồm 25 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng với tổng số tiền là 12.500.000 đồng.

Tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự quy định như sau:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Như vậy hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Lời luận tội của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật, nên cần chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ngoài việc xâm hại đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, còn gây mất ổn định về an ninh, trật tự tại địa phương, làm cho người dân hoang mang, lo lắng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản trộm cắp đã trả lại toàn bộ cho chủ sở hữu; bị cáo có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo tự nguyện rèn luyện dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe đối với các bị cáo.

[3]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản đã trả về cho chủ sở hữu. Gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo; gia đình bị cáo có công cách mạng. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với việc bị cáo sử dụng 01 xà beng của ông Trần Xuân Đ để đào đất cất giấu tiền, ông Điệp không biết việc này nên không có căn cứ xử lý.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về xử lý vật chứng:

- Cần chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện E đã trả cho bà Cao Thị Qu 01 túi xách, 01 ví da nam màu nâu, 01 ví da nữ màu đen, 25 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng; Ông Trần Xuân Đ 01 xà beng là các chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Xuân Th; 01 xe mô tô biển kiểm soát 77M3-1871 của Nguyễn Xuân Th làm phương tiện đi lại, không sử dụng vào mục đích trộm cắp tài sản nên cần chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện E đã trả cho Nguyễn Xuân Th là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản và giấy tờ tùy thân nêu trên.

- Cần tịch thu tiêu hủy 01 túi ni lông đen, 01 túi ni lông không màu mà bị cáo đã sử dụng để đựng số tiền trộm cắp.

[6]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân Th phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Bị cáo là hộ cận nghèo, có đơn xin miễn giảm án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cần miễn án phí đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân Th phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân Th 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân Th cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có

thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án treo đã hưởng. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện E đã trả cho bà Cao Thị Qu 01 túi xách, 01 ví da nam màu nâu, 01 ví da nữ màu đen, 25 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng; trả cho ông Trần Xuân Đ 01 xà beng là các chủ sở hữu hợp pháp.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện E đã trả cho Nguyễn Xuân Th 01 Căn cước công dân; 01 xe mô tô biển kiểm soát 77M3-1871;

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi ni lông đen, 01 túi ni lông không màu mà bị cáo đã sử dụng để đựng số tiền trộm cắp.

(Đặc điểm vật chứng như các tài liệu đã thể hiện trong hồ sơ).

Về án phí: Căn cứ Điều 23; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện E;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHSCA huyện E;
- Bộ phận HSNVCA huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên, đóng dấu

Nguyễn Thị Bích Thủy